BẢO ĐẢM QUYỀN GIÁO DỤC VỀ QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI KHUYẾT TẬT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN MAI ANH *
TRẦN THÁI DƯƠNG **

Tóm tắt: *Quyền giáo dục về quyền con người vừa là một quyền độc lập, vừa mang tính công cụ, góp phần nâng cao nhận thức, thúc đẩy sự tham gia xã hội và bảo vệ phẩm giá con người. Đối với người khuyết tật, quyền này càng có ý nghĩa khi giúp họ phá bỏ những rào cản xã hội trong quá trình thực hiện các quyền con người. Ở Việt Nam, việc bảo đảm quyền giáo dục về quyền con người của người khuyết tật đã đạt được một số kết quả trong xây dựng khung pháp lí cơ bản, song quá trình triển khai trên thực tế vẫn còn nhiều bất cập so với chuẩn mực quốc tế. Bài viết làm rõ khái niệm, nội dung, mục đích, yêu cầu và đặc điểm của việc bảo đảm quyền giáo dục về quyền con người của người khuyết tật, đồng thời đánh giá thực trạng bảo đảm quyền này ở Việt Nam. Trên cơ sở kinh nghiệm của Canada, Hàn Quốc và Australia, bài viết chỉ ra những hạn chế của Việt Nam và đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm bảo đảm quyền giáo dục về quyền con người của người khuyết tật như: Ban hành Luật Chống phân biệt đối xử, sửa đổi Luật Người khuyết tật, đổi mới giáo dục quyền con người và tăng cường sự tham gia của người khuyết tật.*

Từ khoá: Người khuyết tật; quyền giáo dục; quyền con người; Việt Nam

Nhận bài: 11/7/2025 Hoàn thành biên tập: 28/10/2025 Duyệt đăng: 28/10/2025

ENSURING THE RIGHT TO EDUCATION ON HUMAN RIGHTS FOR PERSONS WITH DISABILITIES IN VIETNAM TODAY

Abstract: *The right to education on human rights is both an independent and an instrumental right that contributes to raising awareness, fostering social participation, and safeguarding human dignity. For persons with disabilities, this right holds particular significance as it helps dismantle societal barriers to the full realisation of their human rights. In Vietnam, efforts to ensure the right to education on human rights for persons with disabilities have yielded some achievements in establishing a basic legal framework, but its practical implementation remains insufficient when measured against international standards. The article focuses on clarifying the concept, content, purposes, requirements, and characteristics of ensuring the right to education on human rights for persons with disabilities; while also assessing the current situation of ensuring this right in Vietnam. Drawing on the experiences of Canada, South Korea, and Australia, the article identifies major shortcomings in Vietnam's law and proposes feasible solutions, including enacting a Law on Anti-Discrimination, amending the Law on Persons with Disabilities, reforming human rights education, and enhancing the participation of persons with disabilities.*

Keywords: Persons with disabilities; right to education; human rights; Vietnam

Received: 11 July 2025; Editing completed: 28 October 2025; Accepted for publication: 28 October 2025

*** Thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên, Nghiên cứu sinh Khoá 28, Trường Đại học Luật Hà Nội. E-mail: anhnm@tnue.edu.vn**

**** Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội. E-mail: tranthaiduong@hlu.edu.vn**

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, giáo dục về quyền con người được xem là công cụ quan trọng nhằm củng cố dân chủ, thúc đẩy bình đẳng và bảo vệ nhóm yếu thế. Đối với người khuyết tật, việc tiếp cận quyền này không chỉ giúp nâng cao hiểu biết pháp lí mà còn tạo điều kiện tham gia bình đẳng vào đời sống chính trị, kinh tế, văn hoá. Ở Việt Nam, dù quyền giáo dục về quyền con người của người khuyết tật được hàm chứa trong một số quyền đã ghi nhận trong pháp luật song các nghiên cứu chuyên sâu và thực tiễn triển khai còn hạn chế, khoảng cách giữa quy định và thực thi vẫn là vấn đề đáng lưu tâm. Xuất phát từ thực tiễn đó, bài viết sử dụng các phương pháp phân tích - tổng hợp, nghiên cứu thực tiễn và so sánh pháp luật để làm rõ cơ sở lí luận, thực trạng và kinh nghiệm quốc tế, qua đó đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo đảm quyền giáo dục quyền con người của người khuyết tật ở Việt Nam.

2. Khái quát về bảo đảm quyền giáo dục về quyền con người của người khuyết tật

2.1. Khái niệm quyền giáo dục về quyền con người

Quyền giáo dục về quyền con người được khẳng định trong nhiều văn kiện quốc tế. Điều 13 Công ước Quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá năm 1966 (ICESCR) nêu: *"Các quốc gia thành viên Công ước thừa nhận quyền của mọi người được học tập... nhằm tăng cường sự tôn trọng các quyền và tự do cơ bản của con người"*. Tuyên ngôn Liên hợp quốc về giáo dục và đào tạo quyền con người năm 2011 cũng khẳng định: *"Mọi người đều có quyền biết, tìm kiếm và tiếp nhận thông tin về tất cả các quyền con người và tự do căn bản, tiếp cận được với giáo dục và đào tạo về nhân quyền"*. Các quy định này thể hiện tính phổ quát và nghĩa vụ của quốc gia trong bảo đảm quyền. Về mặt học thuật, có hai cách tiếp cận nổi bật. Susan Roberta Katz và Andrea McEvoy Spero cho rằng: *"Quyền giáo dục về quyền con người và các nội dung tiềm năng liên quan là một khía cạnh của quyền giáo dục"*[1], tức là quyền này "hàm chứa" trong quyền giáo dục. Ngược lại, Azmi Sharom và các đồng tác giả khẳng định: *"Giáo dục về quyền con người tự nó là một quyền con người"*[2], nhấn mạnh tính độc lập và cụ thể của quyền. Paula Gerber bổ sung nhận định phê phán Tuyên ngôn năm 2011 khi cho rằng *"Về bề ngoài, đây dường như là một sự khẳng định tích cực về quyền đối với giáo dục quyền con người. Tuy nhiên, ngôn ngữ được sử dụng không rõ ràng như lẽ ra nó có thể đạt được... Một quyền được tiếp cận thông tin về nhân quyền rõ ràng là yếu hơn nhiều so với một quyền rõ ràng đối với giáo dục về quyền con người"*[3].

Ở Việt Nam, dù pháp luật chưa quy định trực tiếp song Hiến pháp năm 2013 và các luật liên quan đã tạo nền tảng pháp lí cho

---

[1] Susan Roberta Katz, Andrea Mcevoy Spero (2015), *Bringing Human Rights Education to US Classrooms Exemplary Models from Elementary Grades to University*, Palgrave Macmillan, New York, tr. 5.

[2] Azmi Sharom, Hadi Rahmat Purnama, Matthew Mullen, Melizel Asuncion, Michael Hayes (2015), *An Introduction to Human Rights in Southeast Asia*, Creative Commons, tr. 24.

[3] Paula Gerber (2011), *Education about Human rights Strengths and weaknesses of the UN Declaration on Human Rights Education and Training*, http://ssrn.com/abstract=2130345, truy cập 05/9/2025.

quyền này. Về học thuật, Nguyễn Linh Giang nhận định: *"Giáo dục về quyền con người, bản thân nó cũng là một quyền cơ bản của con người và nó cũng là trách nhiệm của các nhà nước và của chính mọi công dân"*[4]. Tác giả này công nhận tính cơ bản, độc lập của quyền và còn mở rộng chủ thể bảo đảm từ nhà nước sang cả công dân. Cách tiếp cận này phù hợp với xu thế hiện nay, khi việc bảo đảm quyền không chỉ là trách nhiệm của nhà nước mà còn đòi hỏi sự tham gia của toàn xã hội.

Những cơ sở pháp lí và quan điểm khoa học được phân tích ở trên cho thấy quyền giáo dục về quyền con người vừa là một phần của quyền giáo dục, vừa mang tính độc lập như một quyền con người cơ bản. Đây là quyền của mọi người trong việc tiếp cận, học tập và thực thi các quyền con người, đồng thời đặt ra nghĩa vụ bảo đảm của Nhà nước và xã hội.

2.2. Khái niệm, đặc điểm, nội dung bảo đảm quyền giáo dục về quyền con người của người khuyết tật

Theo Từ điển tiếng Việt, *"bảo đảm là làm cho chắc chắn, thực hiện được, giữ gìn được, hoặc có đầy đủ những gì cần thiết"*[5]. Định nghĩa này mang nội hàm rộng nhưng chưa gắn với đặc thù bảo đảm quyền. Trong khi đó, Từ điển Luật học bổ sung khía cạnh chủ thể khi cho rằng: *"Bảo đảm, trách nhiệm của một chủ thể (cá nhân, tổ chức) phải làm cho quyền, lợi ích của chủ thể bên kia chắc chắn được thực hiện, được giữ gìn, nếu xảy ra thiệt hại thì phải bồi thường"*[6], song định nghĩa này chỉ giới hạn trách nhiệm trong quan hệ hai bên.

Trong khoa học pháp lí, các nhà khoa học tiếp cận khái niệm bảo đảm quyền con người theo nhiều hướng khác nhau. Phạm Hồng Thái và Nguyễn Thị Thu Hương cho rằng: *"Bảo đảm các quyền con người, quyền công dân là việc tạo ra các tiền đề, điều kiện về chính trị, kinh tế, xã hội, pháp lí và tổ chức để cá nhân, công dân, các tổ chức của công dân thực hiện được các quyền, tự do, lợi ích chính đáng của họ đã được pháp luật ghi nhận"*[7]. Các tác giả này nhấn mạnh yếu tố điều kiện nhưng chưa chỉ rõ chủ thể thực hiện. Lê Thanh Nga lại tập trung vào trách nhiệm khi khẳng định: *"Bảo đảm quyền kinh tế, xã hội, văn hoá có thể hiểu là việc thực hiện trách nhiệm của Nhà nước, xã hội nhằm tạo ra các tiền đề, điều kiện cần thiết để mọi người thực hiện được các quyền kinh tế, xã hội, văn hoá của mình đã được pháp luật ghi nhận trên thực tế"*[8]. Với cách tiếp cận toàn

---

[4] Nguyễn Linh Giang (2009), "Quyền được giáo dục nhân quyền - một quyền cơ bản của con người", *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, số 12, tr. 54.

[5] Viện Ngôn ngữ học (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Hà Nội - Đà Nẵng, tr. 38.

[6] Dương Thanh Mai, Đặng Đình Luyến, Đỗ Thanh, Hoàng Phước Hiệp, Hồ Văn Phú, Lê Hồng Sơn, Lê Thanh Vân, Lê Thị Kim Liên, Mai Lan, Nguyễn Chí Vĩnh, Nguyễn Hợp Toàn, Phan Trung Lý, Phạm Văn Luyện, Thái Vĩnh Thắng, Trần Thị Hoà Bình (1999), *Từ điển Luật học*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr. 27.

[7] Phạm Hồng Thái, Nguyễn Thị Thu Hương (2012), "Bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong pháp luật hành chính Việt Nam (Một số vấn đề có tính phương pháp luận, định hướng nghiên cứu)", *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, số 28, https://js.vnu.edu.vn/LS/article/view/1121/1089, truy cập 03/9/2025.

[8] Lê Thị Thanh Nga (2020), "Về bảo đảm các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá", *Tạp chí Quản lí nhà nước*, https://www.quanlynhanuoc.vn/2020/05/12/ve-bao-dam-cac-quyen-kinh-te-xa-hoi-va-van-hoa/, truy cập 03/9/2025.

diện hơn, Trần Thị Hoè nhấn mạnh: *"Bảo đảm quyền con người là việc các chủ thể (cá nhân, nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội...) có nghĩa vụ sử dụng các biện pháp, cách thức để hiện thực hoá các nguyên tắc, tiêu chuẩn về quyền con người nhằm bảo vệ và thực thi hiệu quả các quyền và tự do cơ bản của con người trong các hoạt động của mình, ngăn ngừa sự lạm dụng, vi phạm quyền con người từ phía các chủ thể khác"*[9]. Cách hiểu này mở rộng chủ thể bảo đảm từ Nhà nước sang toàn xã hội, dù chưa phân định rõ ràng mức độ trách nhiệm giữa các chủ thể.

Dù tồn tại sự khác biệt trong cách định nghĩa nhưng nhìn chung có thể khẳng định rằng bảo đảm quyền con người bao hàm hai nội dung cốt lõi: 1) hệ thống nguyên tắc, thủ tục và biện pháp nhằm thúc đẩy và bảo vệ quyền; 2) sự tham gia đa dạng của các chủ thể trong toàn bộ tiến trình hiện thực hoá quyền.

Như vậy, hiểu một cách toàn diện, bảo đảm quyền con người là tổng thể các hoạt động do Nhà nước giữ vai trò trung tâm, cùng với sự tham gia của cá nhân, tổ chức và cộng đồng, nhằm tạo ra các tiền đề và điều kiện cần thiết về pháp lí, chính trị, kinh tế, xã hội và tổ chức để các quyền và tự do cơ bản được tôn trọng, bảo vệ và thực thi hiệu quả.

Theo Công ước về Quyền của người khuyết tật năm 2007 (Convention on the Rights of Persons with Disabilities - CRPD), người khuyết tật gặp những khó khăn nhất định khi thực hiện các quyền con người. Do đó, việc bảo đảm quyền con người nói chung, quyền giáo dục về quyền con người nói riêng của nhóm yếu thế này có những đặc điểm riêng biệt:

Thứ nhất, bảo đảm quyền này đòi hỏi vừa bình đẳng vừa có hỗ trợ đặc thù. Theo Điều 24 CRPD, bình đẳng chỉ có ý nghĩa thực chất khi đi kèm các biện pháp hỗ trợ phù hợp như giáo trình chữ nổi, ngôn ngữ kí hiệu hay cơ sở vật chất thích ứng.

Thứ hai, chủ thể bảo đảm quyền đa dạng và gắn với nhiều trách nhiệm. Như Gudmundur Alfredsson khẳng định: *"Trong khi các quốc gia đã thực hiện các cam kết pháp lí để thực hiện các quy định về giáo dục quyền con người, giáo viên, nhà nghiên cứu, nhà khoa học, trường đại học và các tổ chức giáo dục đại học khác cũng mang trách nhiệm đạo đức và chính trị vì mục đích tương tự"*[10]. Điều này cho thấy nghĩa vụ bảo đảm không chỉ thuộc về Nhà nước mà còn mở rộng đến các tổ chức và cá nhân trong xã hội.

Thứ ba, bảo đảm quyền giáo dục về quyền con người của người khuyết tật mang tính chủ động và phòng ngừa, thể hiện ở việc các chủ thể có nghĩa vụ tạo điều kiện tham gia bình đẳng thay vì chỉ can thiệp khi xảy ra vi phạm, đồng thời phòng ngừa kì thị và khắc phục rào cản xã hội.

Thứ tư, đây là những bảo đảm mang tính công cụ và có ý nghĩa lan tỏa xã hội, vừa giúp người khuyết tật tiếp cận bình đẳng giáo dục quyền con người, vừa góp phần hình thành văn hoá nhân quyền và xoá bỏ định kiến trong cộng đồng.

Về nội dung bảo đảm quyền giáo dục về

[9] Trần Thị Hoè (2015*), Nhà nước Việt Nam với việc bảo đảm quyền con người trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay*, Luận án tiến sĩ triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tr. 39.

[10] Gudmundur Alfredsson (2001), "The right to human rights education", *Social and cultural rights: a textbook*, Asbjørn Eide, Catarina Krause, Allan Rosas, Kluwer Law International, Netherlands, tr. 282.

quyền con người của người khuyết tật, đây là một khái niệm bao gồm hệ thống cơ chế, điều kiện và biện pháp nhằm hiện thực hoá bình đẳng trong tiếp cận giáo dục. Cụ thể: về pháp lí - chính trị thể hiện qua CRPD, Hiến pháp, Luật Người khuyết tật; về kinh tế - xã hội thể hiện qua chính sách hỗ trợ, học bổng, cơ sở vật chất tiếp cận; về tổ chức - quản lí thể hiện qua phối hợp giữa cơ quan quản lí giáo dục, trường học, cộng đồng; về văn hoá - nhận thức thể hiện qua nâng cao hiểu biết, xoá bỏ định kiến và khẳng định vị thế của người khuyết tật trong giáo dục quyền con người.

2.3. Ý nghĩa, yêu cầu của bảo đảm quyền giáo dục về quyền con người của người khuyết tật

Bảo đảm quyền giáo dục về quyền con người cho người khuyết tật không chỉ mang ý nghĩa nhân đạo mà còn thể hiện nền tảng pháp lí, dân chủ và nhân quyền của quốc gia. Việc này giúp người khuyết tật nhận thức giá trị, phẩm giá, quyền bình đẳng của mình, nâng cao năng lực tự quyết và chủ động hội nhập xã hội; đồng thời khẳng định trách nhiệm của Nhà nước trong thực thi các cam kết quốc tế và thúc đẩy văn hoá tôn trọng, bao dung trong cộng đồng.

Để bảo đảm hiệu quả quyền giáo dục về quyền con người cho người khuyết tật, ngoài đáp ứng các yêu cầu chung còn cần phải đảm bảo các yêu cầu đặc thù nhằm khắc phục những hạn chế do khuyết tật gây ra: *một là*, bình đẳng trong tiếp cận, bảo đảm người khuyết tật được học tập cùng cộng đồng, không bị kì thị, có điều kiện tham gia bình đẳng vào các chương trình giáo dục quyền con người; *hai là*, điều kiện và phương pháp phù hợp, bao gồm cơ sở vật chất, thiết bị hỗ trợ và chương trình, phương pháp giảng dạy thích ứng với từng dạng khuyết tật; *ba là*, bảo đảm sự tham gia, cho phép người khuyết tật trực tiếp tham gia xây dựng, thực hiện và giám sát chính sách nhằm bảo đảm tính dân chủ, minh bạch và đáp ứng nhu cầu thực tế.

2.4. Bảo đảm quyền giáo dục về quyền con người của người khuyết tật ở một số quốc gia trên thế giới

Nhiều quốc gia như Canada, Hàn Quốc, Australia bảo đảm hiệu quả quyền giáo dục về quyền con người của người khuyết tật thông qua khung pháp lí tiến bộ, cơ chế thực thi rõ ràng và các chương trình hỗ trợ toàn diện.

Tại Canada, quyền giáo dục của người khuyết tật được bảo đảm bởi Hiến chương Quyền và Tự do của Canada năm 1982. Điều 15 Hiến chương khẳng định quyền bình đẳng và chống phân biệt đối xử dựa trên tình trạng khuyết tật[11]. Bên cạnh đó, Đạo luật Nhân quyền Canada năm 1985[12] quy định rõ việc tạo điều kiện để mọi người có thể tham gia đề xuất và thực hiện kế hoạch đáp ứng nhu cầu, cơ hội đưa ra ý kiến, tiêu chuẩn khả năng tiếp cận các dịch vụ, cơ sở vật chất của người khuyết tật bằng cách nộp đơn lên Ủy ban Nhân quyền Canada. Đặc biệt, Canada đã ban hành Đạo luật Canada về khả năng tiếp cận năm 2019, tập trung vào việc loại bỏ rào cản trong các lĩnh vực then chốt, bao gồm cả giáo dục[13]. Các tỉnh bang như Ontario còn áp dụng

[11] Hiến chương Quyền và Tự do của Canada năm 1982 (Canadian Charter of Rights and Freedoms 1982), https://www.justice.gc.ca/eng/csj-sjc/rfc-dlc/ccrf-ccdl/, truy cập 25/8/2025.

[12] Đạo luật Nhân quyền Canada năm 1985 (Canadian Human Rights Act 1985), https://laws-lois.justice.gc.ca/eng/acts/h-6/, truy cập 25/8/2025.

[13] Đạo luật Canada về Khả năng tiếp cận năm 2019 (Accessible Canada Act 2019), https://laws-lois.

Đạo luật về khả năng tiếp cận cho người khuyết tật Ontario năm 2016 quy định việc thiết lập các tiêu chuẩn về khả năng tiếp cận cho người khuyết tật liên quan đến hàng hoá, dịch vụ, cơ sở vật chất, chỗ ở, việc làm, toà nhà, công trình và cơ sở[14]. Ở Canada đã có những kênh phản ánh vi phạm mà người khuyết tật rất dễ tiếp cận trong trường hợp họ bị phân biệt đối xử trong giáo dục như gửi email, thư, fax đến Ủy ban Nhân quyền Canada (Canadian Human Rights Commission) tại địa chỉ https://www.chrc-ccdp.gc.ca/find-help/file-discrimination-complaint. Các chính sách ở Canada không chỉ bảo vệ quyền học tập mà còn mở rộng khả năng tiếp cận thông tin, giúp người khuyết tật hiểu rõ hơn về quyền con người. Đồng thời, nhiều tổ chức xã hội như March of Dimes Canada, Canadian National Institute for the Blind, Easter Seals Canada... tích cực đào tạo và vận động chính sách hỗ trợ người khuyết tật và gia đình. Đặc biệt, sự tham gia của các tổ chức trên vào quá trình soạn thảo luật là một minh chứng cho việc Canada đã đưa "Nothing About Us Without Us" (là một khẩu hiệu mạnh mẽ của phong trào đấu tranh cho quyền của người khuyết tật nhấn mạnh rằng người khuyết tật phải được tham gia vào các quyết định ảnh hưởng đến cuộc sống của họ[15]) thành nguyên tắc trong Đạo luật Canada về khả năng tiếp cận năm 2019 và chiến lược cải thiện dịch vụ công. Đây không chỉ là khẩu hiệu mà là sự luật hoá trách nhiệm của nhà nước trong việc tham vấn người khuyết tật.

Ở Hàn Quốc, việc ban hành Đạo luật Giáo dục đặc biệt cho người khuyết tật năm 2008 thể hiện sự quan tâm của Nhà nước đối với bảo đảm quyền giáo dục, đặc biệt là quyền giáo dục về quyền con người của người khuyết tật. Luật quy định Nhà nước có nghĩa vụ cung cấp giáo dục bắt buộc, yêu cầu các cơ sở giáo dục bố trí giáo viên chuyên biệt, xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân và mở rộng cơ hội học tập hoà nhập. Đáng chú ý, Điều 9 quy định chính quyền địa phương phải thông báo cho người giám hộ trong vòng 2 tuần về quyền được giáo dục miễn phí và các nghĩa vụ liên quan, bảo đảm người khuyết tật được tiếp cận giáo dục nhanh chóng, kịp thời và bình đẳng[16]. Bên cạnh đó, quốc gia này còn ban hành Luật Cấm phân biệt đối xử với người khuyết tật và biện pháp khắc phục quyền của người khuyết tật năm 2007. Văn bản này quy định quyền khởi kiện nếu quyền giáo dục bị vi phạm[17]. Ngoài ra, Chính phủ

justice.gc.ca/eng/acts/a-0.6/, truy cập 25/8/2025.

[14] Đạo luật về khả năng tiếp cận cho người khuyết tật Ontario năm 2016 (Accessibility for Ontarians with Disabilities Act), https://www.aoda.ca/the-act/, truy cập 25/8/2025.

[15] Rachel Bath and Michelle Willson (2025), Understanding "Nothing About Us Without Us", https://ccrw.org/understanding-nothing-about-us-without-us/, truy cập 25/8/2025.

[16] Đạo luật Giáo dục đặc biệt cho người khuyết tật năm 2007 (Act on Special Education for Persons with Disabilities), https://elaw.klri.re.kr/eng_mobile/viewer.do?hseq=62719&type=part&key=16, truy cập 25/8/2025.

[17] Luật Cấm phân biệt đối xử với người khuyết tật và biện pháp khắc phục quyền của người khuyết tật năm 2007 (Act on the Prohibition of Discrimination of Disabled Persons, Remedy Against Infringement of Their Rights, Etc 2007), https://www.un.org/development/desa/disabilities/wp-content/uploads/sites/15/2019/11/Korea-Republic-of_Act-on-the-Prohibition-of-Discrimination-of-Disabled-Persons-Remedy-Against-Infringement-of-their-Rights-etc.pdf, truy cập 25/8/2025.

triển khai các chương trình giáo dục cộng đồng, thành lập các tổ chức nhằm phổ biến kiến thức pháp luật, giáo dục về quyền, giúp người khuyết tật và gia đình họ hiểu rõ cơ chế khiếu nại, quyền tiếp cận học tập và quyền tham gia đời sống xã hội. Hai mô hình tiêu biểu ở Hàn Quốc là Trung tâm nhân quyền cho người khuyết tật (http://hcdp.or.kr) và G-SEEK (https://www.gseek.kr) cho thấy một hệ thống đào tạo nhân quyền cho người khuyết tật vừa có chiều sâu pháp lí, vừa có tính hiện đại về kĩ thuật. Các mô hình này xây dựng các khoá học bắt buộc trên cơ sở pháp lí là Luật Phúc lợi người khuyết tật năm 2007[18] hướng tới cả đối tượng là người khuyết tật và cán bộ phục vụ tại các trung tâm phúc lợi. Các khoá học được thiết kế có tính cá nhân hoá cao, phù hợp với các dạng khuyết tật. Một số khoá học còn có yêu cầu bắt buộc về thời lượng, được cấp chứng chỉ có giá trị trong xét chuẩn chuyên môn khi hoàn thành khoá học.

Trong khi đó, Australia đã sớm ban hành Đạo luật phân biệt đối xử với người khuyết tật năm 1992, cấm mọi hành vi phân biệt đối xử trong lĩnh vực giáo dục[19]. Để cụ thể hoá, Chính phủ Australia ban hành Tiêu chuẩn Giáo dục khuyết tật năm 2005, mang lại cho học sinh và sinh viên khuyết tật quyền được hưởng các cơ hội giáo dục và đào tạo trên cơ sở tương tự như học sinh không khuyết tật. Các trường học buộc phải cung cấp dịch vụ hỗ trợ để bảo đảm người khuyết tật có thể học tập bình đẳng. Đồng thời, Ủy ban Nhân quyền Australia (Australian Human Rights Commission) đóng vai trò quan trọng trong việc tiếp nhận khiếu nại và giám sát thực thi, qua đó củng cố niềm tin của người khuyết tật vào hiệu lực của pháp luật[20]. Các tổ chức xã hội dân sự ở Australia cũng tham gia rất tích cực vào vận động chính sách, đảm bảo tiếng nói của cộng đồng người khuyết tật nước này như: Hội đồng Người khuyết tật Australia (DCA), People with Disability Australia (PWDA), Children and Young People with Disability Australia (CYDA)... Năm 2025, nhiều tổ chức trong đó có PWDA phản đối Chính phủ công bố chính sách mới về Chương trình Bảo hiểm khuyết tật quốc gia (National Disability Insurance Scheme)[21] mà không tham khảo trước ý kiến của người khuyết tật. Họ cho rằng đây là hành vi vi phạm nguyên tắc "Nothing About Us Without Us".

Nhìn chung, kinh nghiệm từ ba quốc gia trên cho thấy bảo đảm quyền giáo dục về quyền con người của người khuyết tật cần có khung pháp lí chuyên biệt, cơ chế giám sát - khiếu nại hiệu quả và giáo dục cộng đồng giúp người khuyết tật hiểu, thực thi và vận dụng quyền của mình.

---

[18] Luật Phúc lợi người khuyết tật (Act on Welfare of Persons with Disabilities of Korea), https://www.un.org/development/desa/disabilities/wp-content/uploads/sites/15/2019/11/Korea-Republic-of_The-Welfare-Law-for-Persons-with-Disabilities.pdf, truy cập 25/8/2025.

[19] Đạo luật phân biệt đối xử với người khuyết tật năm 1992 (Disability Discrimination Act), https://www.legislation.gov.au/C2004A04426/2018-04-12/text, truy cập 25/8/2025.

[20] Tiêu chuẩn Giáo dục Khuyết tật năm 2005 (Disability Standards for Education 2005), https://www.legislation.gov.au/F2005L00767/latest/text, truy cập 25/8/2025.

[21] Phản hồi của PWDA về Tham vấn về Quy tắc hỗ trợ NDIS (PWDA Response to Consultation on the NDIS Support Rule), https://pwd.org.au/pwda-response-to-consultation-on-the-ndis-support-rule/, truy cập 25/8/2025.

3. Thực trạng bảo đảm quyền giáo dục về quyền con người của người khuyết tật ở Việt Nam

3.1. Cơ sở pháp lí và chính trị trong bảo đảm quyền giáo dục về quyền con người của người khuyết tật

Sau khi Việt Nam tham gia CRPD, Luật Người khuyết tật năm 2010 được ban hành, tạo cơ sở pháp lí quan trọng cho bảo đảm quyền giáo dục, trong đó có quyền giáo dục về quyền con người, thông qua quy định về trách nhiệm, cơ sở vật chất và nguồn nhân lực trong giáo dục hoà nhập.

Sau khi phê chuẩn CRPD (năm 2014), Việt Nam ban hành nhiều văn bản pháp luật nội luật hoá Công ước, tạo điều kiện để người khuyết tật thực hiện quyền giáo dục về quyền con người, trong đó Hiến pháp năm 2013 là nền tảng với nguyên tắc *"mọi người đều bình đẳng trước pháp luật... không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội"* (Điều 16). Theo Trương Hồng Quang, Hiến pháp năm 2013 coi bảo đảm bình đẳng trong hưởng thụ và thực hiện quyền con người, quyền công dân là giá trị cốt lõi, *"ghi nhận những ưu việt trong chính sách của Nhà nước trợ giúp một số chủ thể cụ thể... (người khuyết tật, người nghèo, người cao tuổi...)"*[22]. Điều này khẳng định quyền bình đẳng trong tiếp cận thông tin, giáo dục và đào tạo về quyền con người của người khuyết tật đã được Hiến pháp năm 2013 ghi nhận.

Các văn bản luật được ban hành sau đó tiếp tục làm rõ và cụ thể hoá quyền được biết về quyền con người, quyền tìm kiếm, tiếp cận thông tin về quyền con người như: Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, Luật Giáo dục năm 2019, Bộ luật Lao động năm 2019...

Về cơ bản, pháp luật Việt Nam đã ghi nhận quyền giáo dục về quyền con người trong quyền giáo dục của người khuyết tật và quy định tương đối đầy đủ các điều kiện để họ tiếp cận, tìm hiểu và thực hiện quyền này.

Mặc dù đã đạt được một số kết quả, khung pháp luật bảo đảm quyền giáo dục về quyền con người của người khuyết tật vẫn còn bất cập. Theo Hà Trọng Bắc: *"Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 và các văn bản hướng dẫn Luật này chưa có quy định cụ thể về việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội, mà chỉ quy định chung đối tượng tiếp cận thông tin là công dân"*. Trên thực tế, Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ đã có những quy định khá cụ thể để bảo đảm quyền này cho người khuyết tật như: các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật thực hiện quyền tiếp cận thông tin (Điều 3), trách nhiệm của đơn vị đầu mối cung cấp thông tin cho người khuyết tật (Điều 8)... Như vậy, hạn chế trong bảo đảm quyền không phải do thiếu quy định riêng cho nhóm người khuyết tật mà là những quy định hướng dẫn chưa đầy đủ. Pháp luật Việt Nam chưa có văn bản nào làm rõ *"hình thức cung cấp thông tin thuận lợi"* cho người khuyết tật, *"điều kiện thực tế của cơ quan"*... Những hạn chế này có thể dẫn tới hoạt động bảo đảm quyền quá phụ thuộc vào điều kiện thực tế và thiếu chuẩn kĩ thuật cụ thể, khó áp dụng chế tài đối với hành vi vi phạm.

[22] Trương Hồng Quang (2024), *10 năm thi hành Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr. 28.

Bên cạnh đó, các văn bản hiện hành có liên quan đến quyền giáo dục về quyền con người của người khuyết tật vẫn thể hiện một khung pháp lí chưa đồng bộ với pháp luật quốc tế: *Một là*, trong Luật Người khuyết tật năm 2010 vẫn còn tồn tại những cách tiếp cận khái niệm chưa thực sự toàn diện. Giải thích thuật ngữ "người khuyết tật" trong Luật Người khuyết tật có xu hướng y tế hoá, coi các khiếm khuyết là vấn đề cá nhân khiến người khuyết tật gặp khó khăn trong lao động, sinh hoạt. Trong khi đó, CRPD lại coi những khó khăn người khuyết tật gặp phải là do các rào cản xã hội chứ không phải từ khiếm khuyết của bản thân họ. Khi nghiên cứu về vấn đề này, Lê Đình Nghị nhận định: *"Sự khác biệt trong cách diễn giải về kết quả của việc bị khuyết tật, về cách nó tác động đến cuộc sống hàng ngày hoặc các tương tác, tạo ra sự căng thẳng giữa mô hình khuyết tật của CRPD và luật pháp Việt Nam"*[23]. Những lo ngại của tác giả này là hoàn toàn có căn cứ bởi lẽ khi CRPD đòi hỏi phá bỏ rào cản xã hội để trao quyền thì pháp luật Việt Nam lại đang thiên về bù đắp và chăm sóc. Quy định như vậy sẽ vô tình củng cố sự lệ thuộc, làm mất đi tính chủ động của người khuyết tật. Mặt khác, nhiều khái niệm được CRPD định nghĩa trong Điều 2 chưa được nội luật hoá trong pháp luật Việt Nam như: "giao tiếp", "ngôn ngữ", "phân biệt đối xử trên cơ sở sự khuyết tật"... Một số vấn đề chưa có quy định chi tiết như: "trợ giảng", "phòng học chuyên biệt"... gây khó khăn cho quá trình tổ chức thực hiện và xử lí các vi phạm. *Hai là*, chưa có quy định cụ thể về cơ chế giám sát quốc gia thực thi quyền của người khuyết tật. Điều 33 CRPD quy định quốc gia thành viên phải có cơ chế giám sát quốc gia về thực thi quyền, cùng với phương thức khiếu nại hiệu quả. Theo quy định này, các quốc gia thành viên cần thiết lập cơ chế giám sát độc lập. Hiện nay pháp luật Việt Nam chưa xác lập được một cơ quan hoàn toàn độc lập để giám sát việc thực thi quyền của người khuyết tật. *Ba là*, Luật Người khuyết tật năm 2010 chưa làm rõ định hướng giáo dục quyền con người cho người khuyết tật, trong khi khoản 1 Điều 24 CRPD yêu cầu *"phát triển trọn vẹn năng lực tiềm tàng của con người, nhận thức về nhân cách và phẩm giá, củng cố sự tôn trọng quyền con người, các tự do cơ bản và tính đa dạng của loài người"*. Việc thiếu nội dung này khiến người khuyết tật dễ bị nhìn nhận như "đối tượng thụ hưởng chính sách an sinh" hơn là chủ thể bình đẳng về quyền và nhân phẩm.

3.2. Các điều kiện kinh tế-xã hội bảo đảm quyền giáo dục về quyền con người của người khuyết tật

Hoạt động xây dựng cơ sở vật chất và nguồn lực bảo đảm cho người khuyết tật tiếp cận giáo dục nói chung, giáo dục về quyền con người nói riêng ở Việt Nam đã có những thành tựu ban đầu rất đáng ghi nhận từ phía Nhà nước và xã hội. Hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập đã được xây dựng ở nhiều địa phương, với khoảng 20 tỉnh, thành phố có mô hình cấp tỉnh; cả nước hiện có 107 cơ sở giáo dục chuyên biệt, 12 trung tâm giáo dục trẻ khuyết tật, triển khai giáo

[23] Nghi, Le. (2022), "Reviewing Regulations on Rights of Persons with Disabilities in Vietnam to Advance the Implementation of the Convention on the Rights of People with Disabilities", *Jambe Law Journal*, tr. 51, DOI: 10.22437/jlj.5.1.39-65

dục hoà nhập ở tất cả các cấp học phổ thông[24]. Các điều kiện hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận thông tin và giáo dục về quyền con người được cải thiện rõ rệt như công trình giáo dục - văn hoá đạt chuẩn tiếp cận, chương trình dạy ngôn ngữ kí hiệu, truyền hình có phụ đề và ngôn ngữ kí hiệu. Đây là nền tảng quan trọng thể hiện sự quan tâm của Nhà nước và xã hội đối với cơ hội giáo dục bình đẳng cho người khuyết tật. Tuy nhiên, khi đi sâu phân tích, có thể nhận thấy công tác xây dựng, phát triển cơ sở vật chất, phương tiện hỗ trợ người khuyết tật thực hiện quyền giáo dục về quyền con người vẫn tồn tại một số hạn chế:

Thứ nhất, sự chậm trễ trong triển khai chính sách: Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập thời kì 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (ban hành kèm theo Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 25/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ) được ban hành năm 2025, dẫn tới khoảng trống thực thi kéo dài suốt 5 năm đầu giai đoạn. Điều này đồng nghĩa nhiều giải pháp, phương án hỗ trợ chưa được áp dụng kịp thời, làm suy giảm tác động chính sách.

Thứ hai, nguồn lực còn hạn chế và phân bổ không đồng đều: Trong Báo cáo phân tích bối cảnh thực thi quyền của người khuyết tật ở Việt Nam đã trình bày hiện trạng khác biệt đáng kể trong việc cung cấp sách giáo khoa và thiết bị hỗ trợ giữa các trung tâm giáo dục hoà nhập các tỉnh và thành phố lớn, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa[25]. Thực trạng này cũng được Trương Hồng Quang và Dương Thu Hương đề cập *"một số rào cản liên quan đến tiếp cận trường học, tiếp cận phương tiện học tập vẫn còn hiện diện, hệ thống các trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập chưa có được nhiều nguồn lực từ Nhà nước và xã hội"*[26]. Hệ quả là chất lượng cơ sở vật chất, trang thiết bị trợ giúp, công nghệ hỗ trợ (như sách chữ nổi, phần mềm đọc màn hình, tài liệu ngôn ngữ kí hiệu) chưa cao, chưa đồng đều, chủ yếu tập trung ở thành phố lớn.

Thứ ba, khoảng cách giữa chính sách và thực tế tiếp cận quyền: Kết quả khảo sát của Trung tâm Tư vấn hỗ trợ hoà nhập người khuyết tật Hà Nội cho thấy 85% người khuyết tật chưa biết đến quyền tiếp cận thông tin và chỉ 23% người khuyết tật được đáp ứng về thông tin, trong khi nhu cầu của nhóm đối tượng này lên đến 92%[27]. Số liệu này phản ánh thực trạng đáng lo ngại là ngay cả khi có đủ cơ sở pháp lí, việc phổ biến, truyền thông và chuyển hoá thành quyền được thụ hưởng vẫn còn khoảng cách rất xa.

---

[24] Gia Linh (2021), *Kết quả thực hiện chương trình đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020 và kế hoạch triển khai giai đoạn 2021-2030*, https://consosukien.vn/ke-t-qua-thu-c-hie-n-chuong-tri-nh-de-an-tro-giu-p-nguo-i-khuye-t-ta-t-giai-doa-n-2012-2020-va-ke-ho.htm, truy cập 25/8/2025.

[25] United Nations Partnership on the Rights of Persons with Disabilities (2023), *Báo cáo phân tích bối cảnh thực thi quyền của người khuyết tật ở Việt Nam*, tr. 29, https://www.undp.org/vi/vietnam/publications/bao-cao-phan-tich-boi-canh-thuc-thi-quyen-cua-nguoi-khuyet-tat-o-viet-nam, truy cập 03/9/2025.

[26] Trương Hồng Quang, Dương Thu Hương (2023), *Pháp luật về quyền của người khuyết tật tại Việt Nam hiện nay*, https://danchuphapluat.vn/phap-luat-ve-quyen-cua-nguoi-khuyet-tat-tai-viet-nam-hien-nay-3040.html, truy cập 10/7/2025.

[27] Hà Trọng Bắc (2023), *Bảo đảm hiệu quả quyền tiếp cận thông tin của nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội*, https://tapchitoaan.vn/bao-dam-hieu-qua-quyen-tiep-can-thong-tin-cua-nhom-doi-tuong-yeu-the-trong-xa-hoi8649.html, truy cập 10/7/2025.

Thứ tư, thiếu tính đặc thù trong triển khai giáo dục về quyền con người: Các đề án và chương trình hiện tại về giáo dục quyền con người chưa có tài liệu riêng dành cho người khuyết tật. Giáo viên dạy đối tượng này cũng chưa được tập huấn chuyên biệt và chuyên sâu. Báo cáo công tác thực hiện Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân (2017 - 2024) và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025 (Đề án 1309) cũng cho thấy Đề án này chưa có hoạt động biên soạn cũng như "chuyển đổi sang định dạng tiếp cận" phù hợp cho người khuyết tật, chưa tổ chức các khoá tập huấn cho giáo viên giảng dạy về quyền con người cho học sinh khuyết tật[28]. Do đó, nguyên tắc "khả năng tiếp cận" vốn là nền tảng của quyền con người chưa được thực thi đầy đủ.

3.3. Cơ chế tổ chức và quản lí trong bảo đảm quyền giáo dục về quyền con người của người khuyết tật

Những năm gần đây, cơ chế tổ chức và quản lí bảo đảm quyền giáo dục về quyền con người của người khuyết tật ở Việt Nam đã có bước tiến, thể hiện qua hoạt động quản lí nhà nước, phát triển đội ngũ giáo viên và sự tham gia của các tổ chức xã hội.

Thứ nhất, về quản lí nhà nước, Luật Người khuyết tật năm 2010 quy định Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan đầu mối, cùng với các bộ, ngành và UBND các cấp. Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm quản lí, tổ chức giáo dục hoà nhập và bảo đảm thực chất quyền con người của người khuyết tật trong học tập. Tuy nhiên, hiện chưa có cơ quan giám sát độc lập theo Điều 33 CRPD, dẫn đến tình trạng "vừa làm, vừa giám sát", làm giảm tính khách quan và hiệu quả thực thi quyền.

Thứ hai, về tổ chức hệ thống giáo dục và đào tạo giáo viên, Việt Nam đã thành lập các trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập và mở ngành giáo dục đặc biệt tại 4 trường đại học sư phạm và 3 trường cao đẳng sư phạm, cung cấp trung bình khoảng 600 giáo viên mỗi năm. Hàng năm, các khoá tập huấn ngắn hạn được tổ chức cho 600 - 700 cán bộ quản lí và 2.000 - 2.500 giáo viên cốt cán, hình thành mạng lưới hỗ trợ giáo dục hoà nhập trên toàn quốc[29]. Tuy nhiên, nội dung giáo dục quyền con người chưa được tích hợp rõ ràng trong chương trình; các khoá đào tạo chủ yếu chú trọng kĩ năng sư phạm, thiếu kiến thức nền tảng về quyền con người. Tình trạng thiếu giáo viên được đào tạo chuyên sâu, nhất là ở vùng nông thôn, miền núi, vẫn phổ biến. Đến năm 2023, Việt Nam có khoảng 7 triệu người khuyết tật, chiếm 7% dân số từ 2 tuổi trở lên[30], với con số thực tế như vậy thì lực lượng giáo viên chưa đáp ứng được nhu cầu.

Thứ ba, về sự tham gia của các tổ chức xã hội, nhiều tổ chức trong và ngoài nước như Hội Người khuyết tật Việt Nam, Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi, Viện Nghiên cứu phát triển cộng đồng (ACDC), Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) hay

---

[28] Ban Điều hành Đề án Giáo dục quyền con người (2024), *Báo cáo công tác thực hiện Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân (2017-2024) và phương hướng nhiệm vụ năm 2025*, Hội nghị toàn quốc về giáo dục quyền con người, ngày 11/12/2024 tại Hà Nội, tr. 5.

[29] Gia Linh, tlđd.

[30] Hà Nhân (2024), *Chú trọng quyền của người khuyết tật*, https://nhandan.vn/chu-trong-quyen-cua-nguoi-khuyet-tat-post835666.html, truy cập 25/8/2025.

World Vision đã góp phần quan trọng trong công tác tập huấn, hỗ trợ phương tiện học tập và vận động chính sách. Tuy nhiên, vai trò này chưa bền vững vì còn phụ thuộc nhiều vào nguồn viện trợ quốc tế. Việc phối hợp giữa tổ chức xã hội và cơ quan nhà nước đôi khi còn rời rạc, thiếu tính hệ thống, dẫn đến tác động chưa lâu dài.

3.4. Yếu tố văn hoá-nhận thức trong bảo đảm quyền giáo dục về quyền con người của người khuyết tật

Thực tiễn ở Việt Nam cho thấy, dù đã có nhiều bước tiến về pháp luật, chính sách và cơ sở vật chất nhưng nhận thức về quyền của người khuyết tật vẫn còn hạn chế.

Thứ nhất, nhiều nghiên cứu cho thấy nhận thức của người khuyết tật về quyền của mình còn hạn chế. Lê Thị Trang nhận định: *"một bộ phận người khuyết tật chưa được thông tin đầy đủ về quyền được trợ giúp pháp lí hoặc biết nhưng không thể tiếp cận với dịch vụ này do hoạt động truyền thông chưa sâu rộng đến được với đông đảo người khuyết tật"* [31]. Hà Trọng Bắc đưa ra kết quả khảo sát tại Hà Nội cho thấy 85% người khuyết tật chưa biết đến quyền tiếp cận thông tin. Một nghiên cứu khác cũng chỉ ra rằng *"người khuyết tật cũng chưa được đề cử và chưa có cơ hội tham gia vào các khoá bồi dưỡng năng lực để phát triển tiềm năng và tự tin ra ứng cử"*[32]. Điều này cho thấy hạn chế trong giáo dục và đào tạo, đặc biệt là về năng lực thực hiện quyền, đã cản trở họ tham gia bình đẳng vào đời sống xã hội.

Thứ hai, về sự tham gia vào đời sống chính trị - xã hội, theo khảo sát nhanh năm 2021 của Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc - UNDP, có 98,2% người khuyết tật được hỏi bày tỏ mong muốn trong Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp có người khuyết tật tham gia, có 71,2% mong muốn trở thành đại biểu dân cử và có đến 62,0% trong số đó đã sẵn sàng tham gia tự ứng cử[33]. Kết quả khảo sát cho thấy tính chủ động và mong muốn tham gia vào đời sống chính trị của người khuyết tật ở Việt Nam khá cao. Tuy nhiên, thực tế số lượng người khuyết tật trở thành đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân còn rất ít và thiếu tính đại diện.

Pháp luật Việt Nam đã ghi nhận nguyên tắc bình đẳng nhưng cơ chế pháp lí để người khuyết tật tham gia phản biện, ứng cử và tham vấn chính sách vẫn còn thiếu. Bên cạnh đó, hạn chế về kĩ năng và cơ hội đào tạo khiến họ khó tham gia hiệu quả vào quá trình xây dựng chính sách, dễ bị xem như "đối

[31] Lê Thị Trang (2023), *Tiếp cận dựa trên quyền con người trong việc thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền của nhóm yếu thế ở Việt Nam hiện nay*, https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/840602/tiep-can-dua-tren-quyen-con-nguoi-trong-viec-thuc-hien-phap-luat-ve-bao-ve-quyen-cua-nhom-yeu-the-o-viet-nam-hien-nay.aspx, truy cập 03/9/2025.

[32] Nguyễn Minh Châu, Đào Thu Hương (2025), *Bảo đảm quyền ứng cử của người khuyết tật tại Việt Nam: Phân tích các rào cản cấu trúc và định kiến xã hội trong quy trình bầu cử*, https://phapluatphattrien.vn/bao-dam-quyen-ung-cu-cua-nguoi-khuyet-tat-tai-viet-nam-phan-tich-cac-rao-can-cau-truc-va-dinh-kien-xa-hoi-trong-quy-trinh-bau-cu-d4256.html, truy cập 03/9/2025.

[33] Nations Development Programme (2021), *Báo cáo đánh giá nhanh về mức độ sẵn sàng của người khuyết tật ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp*, https://www.undp.org/sites/g/files/zskgke326/files/2022-07/Vietnamese_Report%20on%20PWDs%20willingness.pdf, truy cập 03/9/2025.

tượng thụ hưởng" hơn là chủ thể bình đẳng có tiếng nói. Sự thiếu vắng tiếng nói của người khuyết tật trong các diễn đàn chính sách làm gia tăng khoảng cách giữa pháp luật và thực tiễn, khiến chính sách dễ thiếu tính phù hợp.

Thứ ba, về văn hoá và thái độ xã hội, hoạt động truyền thông chống kì thị, phân biệt đối xử tuy đã được triển khai nhưng còn thiếu chiều sâu và chưa thực sự lan toả. Thực tế cho thấy kì thị và phân biệt đối xử từ phía các cơ quan nhà nước, xã hội, gia đình và của chính người khuyết tật ảnh hưởng đến tất cả các khía cạnh của cuộc sống của người khuyết tật. Có tới 43% người khuyết tật tại Việt Nam từng trải qua ít nhất một hình thức kì thị hoặc phân biệt đối xử, trong đó giáo dục là một trong những lĩnh vực bị tác động nhiều nhất[34]. Như vậy, dù pháp luật đã ghi nhận quyền bình đẳng nhưng sự thay đổi về văn hoá - nhận thức mới là điều kiện quyết định để người khuyết tật có thể tiếp cận và thụ hưởng hiệu quả giáo dục quyền con người. Khi định kiến xã hội chưa được xoá bỏ, mọi nỗ lực bảo đảm quyền vẫn sẽ bị hạn chế trong tác động thực tế.

4. Giải pháp khắc phục hạn chế trong bảo đảm quyền giáo dục về quyền con người của người khuyết tật ở Việt Nam

Để khắc phục kịp thời các hạn chế đã được đề cập ở trên, các tác giả đề xuất một số giải pháp cụ thể như sau:

Thứ nhất, cần ban hành Luật Chống phân biệt đối xử để cụ thể hoá Hiến pháp. Điều 16 Hiến pháp đã khẳng định: *"mọi người đều bình đẳng trước pháp luật... không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội"*. Tuy nhiên, hiện nay Việt Nam chưa có luật riêng điều chỉnh vấn đề phân biệt đối xử như một số nước (Hàn Quốc, Australia...) khiến nhiều hành vi loại trừ, định kiến với người khuyết tật chưa có chế tài xử lí rõ ràng. Việc ban hành Luật Chống phân biệt đối xử không chỉ đáp ứng nghĩa vụ quốc tế mà còn tạo cơ sở pháp lí trực tiếp để bảo vệ quyền giáo dục về quyền con người của người khuyết tật. Trong các văn bản hướng dẫn cũng cần quy định chi tiết về "thiết kế hoà nhập", "điều chỉnh hợp lí", đồng thời bổ sung hệ thống chế tài đủ mạnh để xử lí các vi phạm.

Thứ hai, cần sớm hoàn thiện khung pháp luật về người khuyết tật theo chuẩn mực quốc tế. Luật Người khuyết tật năm 2010 đã tạo nền tảng pháp lí quan trọng cho việc bảo đảm quyền của người khuyết tật nhưng sau hơn 10 năm thi hành nhiều quy định đã không còn phù hợp. Ví dụ, định nghĩa "người khuyết tật" trong Luật cần được sửa lại theo hướng tiếp cận mang tính xã hội, coi rào cản xã hội mới là nguyên nhân chính gây ra sự bất bình đẳng. Ý kiến của Trương Hồng Quang và Dương Thu Hương về việc thay đổi thuật ngữ thành "người sống chung với khuyết tật"[35] cũng là một ý tưởng thể hiện sự quan tâm ở mức độ sâu sắc nhất với mong muốn của người khuyết tật. Tuy nhiên, theo quan điểm của các tác giả, giữ nguyên cách gọi "người khuyết tật" vẫn phù hợp vì đây là thuật ngữ thống nhất trong pháp luật quốc tế, đồng thời thể hiện cách nhìn trực diện để thúc đẩy hành động chính sách. Bên cạnh đó,

[34] United Nations Partnership on the Rights of Persons with Disabilities (2023), tlđd.

[35] Trương Hồng Quang, Dương Thu Hương, tlđd

các định hướng, nội dung giáo dục quyền con người cho người khuyết tật cần được Luật Người khuyết tật ghi nhận đúng theo tinh thần của khoản 1 Điều 24 CRPD. Việc ghi nhận này phải trở thành cơ sở pháp lí để triển khai nội dung giáo dục quyền con người phù hợp với người khuyết tật ở mọi cấp học trong chương trình giáo dục phổ thông hoặc tích hợp trong chương trình giáo dục chuyên biệt cho người khuyết tật. Một khuyến nghị khác được các nhà nghiên cứu quan tâm khi đề xuất sửa đổi Luật Người khuyết tật là *"Nghĩa vụ của các cơ sở giáo dục và chính quyền địa phương trong việc đảm bảo giáo dục hoà nhập cần được quy định rõ trong Luật Người khuyết tật"*[36]. Theo các tác giả, khuyến nghị này chưa thực sự hợp lí. Chi tiết về trách nhiệm của cơ sở giáo dục nên được quy định trong Luật Giáo dục, Luật Giáo dục nghề nghiệp và các nghị định chuyên ngành sẽ phù hợp hơn, tránh được sự chồng chéo trong quy định giữa các văn bản.

Thứ ba, đổi mới đề án, kế hoạch giáo dục về quyền con người cho phù hợp với người khuyết tật. Hiện các đề án phổ biến, giáo dục pháp luật và quyền con người vẫn mang tính đại trà, chưa có nội dung đặc thù cho người khuyết tật. Do đó, cần xây dựng hệ thống tài liệu chuyên biệt, ví dụ: tài liệu chữ nổi, video có phụ đề, bản ghi âm, sách nói...; tổ chức đào tạo, tập huấn thường xuyên cho giáo viên dạy hoà nhập về kiến thức, kĩ năng giáo dục quyền con người; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (AI, phần mềm đọc màn hình, nền tảng học trực tuyến) để cá nhân hoá việc học theo từng dạng khuyết tật. Giải pháp này không chỉ giúp khắc phục khoảng cách về khả năng tiếp cận mà còn nâng cao hiệu quả thực chất của giáo dục quyền con người.

Thứ tư, việc đẩy mạnh sự tham gia của người khuyết tật trong giáo dục và giám sát thực thi quyền con người cần được thực hiện theo nguyên tắc "Không có gì về chúng tôi mà không có chúng tôi" (Nothing about us without us). Kinh nghiệm từ Canada, Australia cho thấy luật hoá nguyên tắc này giúp người khuyết tật trở thành chủ thể tham gia xây dựng, thực hiện và giám sát chính sách, qua đó tăng tính minh bạch và phù hợp thực tiễn. Sự tham gia này đồng thời là quá trình giáo dục nhân quyền, giúp họ chuyển từ nhận thức sang hành động và giám sát quyền. Tuy nhiên, ở Việt Nam, cần quan tâm về thực trạng năng lực, nguồn lực và định kiến xã hội, tránh sao chép máy móc mô hình quốc tế mà thiếu cơ chế hỗ trợ thực chất. Trước khi trao vai trò giám sát, cần chuẩn bị bằng giáo dục, đào tạo và tăng cường năng lực cho người khuyết tật. Giải pháp nâng cao nhận thức của người khuyết tật, đặc biệt là nhận thức về quyền, thông qua thành lập các tổ chức của họ cũng được một số nhà khoa học quan tâm. Đề xuất của Matthew Bogenschutz và các đồng tác giả cũng là những gợi ý để bảo đảm tốt hơn quyền giáo dục về quyền con người của người khuyết tật: *"Từ góc độ cơ sở, việc tạo điều kiện cho người khuyết tật thành lập các tổ chức để họ tự tổ chức và nâng cao nhận thức về các vấn đề khuyết tật trong cộng*

[36] Nations Development Programme (2020), *Báo cáo đánh giá Luật Người khuyết tật so sánh với Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật (CRPD) và kinh nghiệm của một số quốc gia*, tr. 5, https://www.undp.org/sites/g/files/zskgke326/files/2022-07/Report%20on%20aligning%20Viet%20Nam%27s%20Law%20on%20PWDs%20and%20CRPD%20-%20Eng.pdf, truy cập 03/9/2025.

đồng của họ sẽ là một cách mạnh mẽ để thúc đẩy các quyền của người khuyết tật được quy định trong Công ước về Quyền của người khuyết tật (CRPD) và được hỗ trợ trong Luật Người khuyết tật"[37]. Bên cạnh đó, việc xây dựng cơ chế pháp lí rõ ràng bảo đảm quyền tự do hiệp hội, minh bạch tài chính và hạn chế can thiệp hành chính, giúp tổ chức của người khuyết tật hoạt động độc lập, đúng tinh thần CRPD là rất cần thiết. Tuy nhiên, cần có hành lang pháp lí và hỗ trợ ban đầu khi các tổ chức này còn chưa có nền tảng vững chắc để hoạt động. Cũng có quan điểm cho rằng đối với hoạt động của các tổ chức phi chính phủ và tổ chức của người khuyết tật trong bảo đảm quyền của người khuyết tật cần sự hỗ trợ rất lớn từ phía nhà nước *"Chính phủ cần tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các tổ chức này bằng cách ban hành các chính sách hỗ trợ tài chính và pháp lí, và xây dựng một cơ chế hợp tác công - tư vững mạnh. Sự hợp tác giữa Nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội sẽ giúp tạo ra một mạng lưới hỗ trợ toàn diện cho người khuyết tật"*[38]. Giải pháp của tác giả này khá phù hợp để nhanh chóng huy động được nguồn lực, tạo ra các dịch vụ và hoạt động giáo dục quyền con người một cách ổn định. Tuy nhiên, giải pháp cũng tiềm ẩn nguy cơ sự lệ thuộc của các tổ chức này vào nhà nước hoặc doanh nghiệp, thiếu đi tiếng nói phản biện. Theo chúng tôi, cần kết hợp cả hai hướng: trước mắt, Nhà nước hỗ trợ tài chính và cơ chế khuyến khích; về lâu dài, xây dựng hành lang pháp lí bảo đảm các tổ chức người khuyết tật hoạt động tự chủ, độc lập và phát huy vai trò giáo dục quyền con người./.

[37] Matthew Bogenschutz, Hyojin Im, Annie Liang & Lan Thi Quynh Luong (2020), "Vietnam and Disability Rights: Perspectives at the Time of Ratification of the UN Convention on the Rights of Persons with Disabilities", *International Journal of Disability, Development and Education,* DOI: 10.1080/1034912X.2020.1716958

[38] Trang, T. H. (2024*), Ensuring the rights of persons with disabilities in Vietnam today,* Tennessee Research International of Social Sciences, 6(2), tr. 260 - 261, https://triss.org/index.php/journal/article/view/73, truy cập 03/9/2025.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Azmi Sharom, Hadi Rahmat Purnama, Matthew Mullen, Melizel Asuncion, Michael Hayes (2015), *An Introduction to Human Rights in Southeast Asia*, Creative Commons
2. Dương Thanh Mai, Đặng Đình Luyến, Đỗ Thanh, Hoàng Phước Hiệp, Hồ Văn Phú, Lê Hồng Sơn, Lê Thanh Vân, Lê Thị Kim Liên, Mai Lan, Nguyễn Chí Vĩnh, Nguyễn Hợp Toàn, Phan Trung Lý, Phạm Văn Luyện, Thái Vĩnh Thắng, Trần Thị Hoà Bình (1999), *Từ điển Luật học*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội.
3. Gudmundur Alfredsson (2001), "The right to human rights education", *Social and cultural rights: a textbook*, Asbjørn Eide, Catarina Krause, Allan Rosas, Kluwer Law International, Netherlands.
4. Hà Trọng Bắc (2023), *Bảo đảm hiệu quả quyền tiếp cận thông tin của nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội*, https://tapchitoaan.vn/bao-dam-hieu-qua-quyen-tiep-can-thong-tin-cua-nhom-doi-tuong-yeu-the-trong-xa-hoi8649.html
5. Lê Thị Thanh Nga (2020), *Về bảo đảm các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá*, https://www.quanlynhanuoc.vn/2020/05/12/ve-bao-dam-cac-quyen-kinh-te-xa-hoi-

THƯ VIỆN TP. CẦN THƠ

va-van-hoa/

6. Lê Thị Trang (2023), *Tiếp cận dựa trên quyền con người trong việc thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền của nhóm yếu thế ở Việt Nam hiện nay*, https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/840602/tiep-can-dua-tren-quyen-con-nguoi-trong-viec-thuc-hien-phap-luat-ve-bao-ve-quyen-cua-nhom-yeu-the-o-viet-nam-hien-nay.aspx
7. Matthew Bogenschutz, Hyojin Im, Annie Liang & Lan Thi Quynh Luong (2020), "Vietnam and Disability Rights: Perspectives at the Time of Ratification of the UN Convention on the Rights of Persons with Disabilities", *International Journal of Disability, Development and Education,* DOI: 10.1080/1034912X.2020.1716958
8. Nghi, Le. (2022), Reviewing Regulations on Rights of Persons with Disabilities in Vietnam to Advance the Implementation of the Convention on the Rights of People with Disabilities, *Jambe Law Journal,* DOI: 10.22437/jlj.5.1.39-65
9. Nguyễn Linh Giang (2009), "Quyền được giáo dục nhân quyền - một quyền cơ bản của con người", *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật,* số 12.
10. Nguyễn Minh Châu, Đào Thu Hương (2025), *Bảo đảm quyền ứng cử của người khuyết tật tại Việt Nam: Phân tích các rào cản cấu trúc và định kiến xã hội trong quy trình bầu cử,* https://phapluatphattrien.vn/bao-dam-quyen-ung-cu-cua-nguoi-khuyet-tat-tai-viet-nam-phan-tich-cac-rao-can-cau-truc-va-dinh-kien-xa-hoi-trong-quy-trinh-bau-cu-d4256.html
11. Paula Gerber (2011), *Education about Human Rights Strengths and weaknesses of the UN Declaration on Human Rights Education and Training*, http://ssrn.com/abstract=2130345
12. Phạm Hồng Thái, Nguyễn Thị Thu Hương (2012), "Bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong pháp luật hành chính Việt Nam (Một số vấn đề có tính phương pháp luận, định hướng nghiên cứu)", *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Luật học,* số 28, https://js.vnu.edu.vn/LS/article/view/1121/1089
13. Susan Roberta Katz Và Andrea Mcevoy Spero (2015), *Bringing Human Rights Education to US Classrooms Exemplary Models from Elementary Grades to University*, Palgrave Macmillan, New York.
14. Trang, T. H. (2024*), Ensuring the rights of persons with disabilities in Vietnam today,* Tennessee Research International of Social Sciences, 6(2), https://triss.org/index.php/journal/article/view/73
15. Trần Thị Hoè (2015*), Nhà nước Việt Nam với việc bảo đảm quyền con người trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay*, Luận án tiến sĩ triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
16. Trương Hồng Quang (2024), *10 năm thi hành Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
17. Trương Hồng Quang, Dương Thu Hương (2023), *Pháp luật về quyền của người khuyết tật tại Việt Nam hiện nay*, https://danchuphapluat.vn/phap-luat-ve-quyen-cua-nguoi-khuyet-tat-tai-viet-nam-hien-nay-3040.html
18. Viện Ngôn ngữ học (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Hà Nội - Đà Nẵng.